

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ IV NĂM 2013

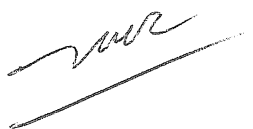
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	372,201,931,013	322,920,023,275
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	56,543,233,267	28,041,955,577
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	53,987,552,400	15,058,649,800
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	52,297,810,977	50,152,600,388
4	Hàng tồn kho	191,984,540,779	208,588,675,994
5	Tài sản ngắn hạn khác	17,388,793,590	21,078,141,516
II	Tài sản dài hạn	234,409,397,990	274,537,456,241
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	231,263,397,990	258,575,430,541
	- Tài sản cố định hữu hình	117,805,727,006	111,942,614,638
	- Tài sản cố định vô hình	33,130,312,181	40,977,042,293
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	80,327,358,803	105,655,773,610
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	12,747,740,408
5	Tài sản dài hạn khác	3,146,000,000	3,214,285,292
	TỔNG TÀI SẢN	606,611,329,003	597,457,479,516
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	249,386,227,973	237,379,484,161
1	Nợ ngắn hạn	245,783,871,099	235,157,327,918
2	Nợ dài hạn	3,602,356,874	2,222,156,243
II	Vốn chủ sở hữu	357,225,101,030	360,077,995,355
1	Vốn chủ sở hữu	357,225,101,030	360,077,995,355
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141,206,280,000	141,206,280,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	138,228,344,134	138,228,344,134
	- Cổ phiếu quỹ	-14,946,154,700	-14,946,154,700
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	51,075,827,368	52,792,576,391
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,335,183,173	22,424,235,619
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	19,325,621,055	20,372,713,911
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG NGUỒN VỐN	606,611,329,003	597,457,479,516

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,400,976,229,645	5,230,732,237,405
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	1,400,976,229,645	5,230,732,237,405
4	Giá vốn hàng bán	1,361,591,414,867	5,076,473,485,607
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	39,384,814,778	154,258,751,798
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	4,557,249,920	7,653,901,320
7	Chi phí tài chính	2,361,950,656	24,923,852,483
8	Chi phí bán hàng	30,681,847,054	94,490,152,363
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,546,459,862	11,683,696,675
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,351,807,126	30,814,951,597
11	Thu nhập khác	405,279,542	2,393,002,457
12	Chi phí khác	174,305,572	1,099,377,408
13	Lợi nhuận khác	230,973,970	1,293,625,049
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,582,781,096	32,108,576,646
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,422,227,775	6,577,842,631
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,160,553,321	25,530,734,015
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	448	1,857
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

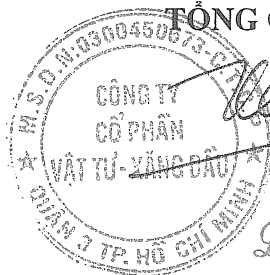


KÊ TOÁN TRƯỞNG



Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Thương

Nơi nhận:

- TTCK, web COM;
- T/V HĐQT, Ban TGD;
- BKS;
- P.TV;
- Lưu VT.